

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kết luận số 363-KL/TU ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước và Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp công nghệ cao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 67/TTr-SCT ngày 22/11/2022,

UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 363-KL/TU ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước và Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp công nghệ cao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Huy động mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế để đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao (CNCNC), nhằm tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo như Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ của Đề án mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành, phù hợp với tình hình phát triển công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện kế hoạch đạt kết quả.

- Xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian để xây dựng, thực hiện nhiệm vụ giải pháp phát triển công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Từng bước hình thành một số ngành sản xuất công nghiệp công nghệ cao và các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực này, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, sức cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

- Từng bước hình thành một số cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh như sản xuất phần mềm, tích hợp hệ thống, sản xuất các thiết bị công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến thuộc một số lĩnh vực vào hoạt động sản xuất như công nghệ sinh học (ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp, y - dược, bảo vệ môi trường, bảo quản thực phẩm...), công nghệ vật liệu mới (ứng dụng vật liệu nano trong nông nghiệp, xử lý môi trường...).

2.2. Đến năm 2030

- Phát triển ngành công nghệ thông tin trở thành là một trong những thành phần kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ sinh học rộng rãi trong các ngành như nông nghiệp, bảo vệ môi trường, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, thực phẩm.

- Hình thành một số ngành thuộc các lĩnh vực công nghiệp chế tạo và tự động hóa, điện tử, năng lượng, vật liệu mới...

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực CNCNC thông qua các chương trình thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động.

- Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường cao đẳng Bình Phước; các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

2. Phát triển nguồn vốn ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận tín dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNCNC.

- Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bình Phước.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

3. Xây dựng Danh mục dự án CNCNC kêu gọi đầu tư; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào ngành CNCNC.

- Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế; các sở, ban ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

4. Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư thuộc lĩnh vực CNCNC, thu hút các doanh nghiệp CNCNC vào các KCN, KKT và Khu CNCNC trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; các sở, ban ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

5. Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho xúc tiến đầu tư; tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội phát triển CNCNC.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; các sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

6. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới. Tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao để từng bước hình thành, phát triển các ngành CNCNC.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

7. Huy động các nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ từ Trung ương và của địa phương để phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho phát triển công nghệ cao, ươm tạo, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ cao.

- Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

8. Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, thông tin liên lạc tại các KCN, KKT, CCN, nhất là KCN CNC đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp được thông suốt, kịp thời, an toàn”.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông
- Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

9. Nghiên cứu thành lập Khu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với kết cấu hạ tầng đồng bộ để thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, các hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

10. Rà soát, đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để phù hợp với định hướng phát triển CNCNC, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch.

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

11. Tham mưu thẩm định công nghệ, lập hồ sơ trình Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

12. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện hồ sơ xác nhận ưu đãi đầu tư ngành CNCNC; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận hoạt động lĩnh vực công nghệ cao.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ
- Cơ quan phối hợp: Ban Quản lý Khu kinh tế; các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch được bố trí từ:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
- Nguồn vốn đầu tư công.
- Nguồn vốn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA, các nguồn tài trợ, viện trợ khác được huy động theo quy định của pháp luật.
- Nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương: Chủ trì và chịu trách nhiệm chính việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết Đề án vào năm 2030.

2. Các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện và những kiến nghị, đề xuất (nếu có) về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản hồi về Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- LĐVP, P: TH, KGVX;
- Lưu: VT, (Quê-22.11).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**